

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

NGUYỄN THỊ THÌN

**KHUÔN KHỔ QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC
CỦA VIỆT NAM: TRƯỜNG HỢP
VIỆT NAM – CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC**

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 9310206

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Đặng Cẩm Tú

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp
học viện họp tại Học viện Ngoại giao

vào hồi giờ, ngày tháng năm 2023

Có thể tìm hiểu Luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Ngoại giao

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nghiên cứu sinh lựa chọn “Khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam: Trường hợp Việt Nam-CHLB Đức” làm đề tài nghiên cứu của Luận án xuất phát từ các lý do chính sau:

Thứ nhất, đến tháng 12/2021, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 17 nước, trong đó có 3 nước là đối tác chiến lược toàn diện. Thực tế triển khai cho thấy tính hiệu quả và mức độ sâu sắc trong từng cặp quan hệ chiến lược chưa đáp ứng kỳ vọng của Việt Nam và các đối tác, đòi hỏi tiếp tục nghiên cứu thấu đáo.

Thứ hai, tìm hiểu về quan hệ giữa Việt Nam với các đối tác chiến lược, các công trình nghiên cứu thường lựa chọn tiếp cận từ góc độ lịch sử và thống kê thực tiễn hợp tác trên một hoặc một số lĩnh vực. Luận án này tiếp cận nghiên cứu về quan hệ đối tác chiến lược theo hai phương diện chủ yếu, bao gồm các cơ chế và phạm vi hợp tác, qua đó góp phần gợi mở một hướng nghiên cứu về các quan hệ song phương với các đối tác chiến lược.

Thứ ba, năm 2021 đánh dấu mốc 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 10 năm thiết lập quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức, là thời điểm thích hợp để đánh giá khuôn khổ đối tác chiến lược này, để từ đó đề ra các giải pháp nhằm làm sâu sắc hơn mối quan hệ này trong thời gian tới.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước và nước ngoài về khuôn khổ đối tác chiến lược

Các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới, về quan hệ đối tác chiến lược của các nước và Việt Nam là nguồn tài liệu quý giá về các vấn đề lý luận và thực tiễn.

2.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài về quan hệ

Việt Nam – CHLB Đức

Nhiều nghiên cứu quan hệ song phương Việt Nam – CHLB Đức ở trong nước và nước ngoài đã cung cấp dữ liệu để tác giả Luận án tham khảo nhằm giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án.

2.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu đề tài

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đề cập những vấn đề lý thuyết của quan hệ đối tác chiến lược ở những khía cạnh khác nhau, tuy nhiên cho đến nay chưa có một công trình nghiên cứu toàn diện, đầy đủ và cập nhật về các khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam.

Thứ hai, chưa có công trình ở Việt Nam và nước ngoài xem xét mối quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức một cách tổng thể, toàn diện từ cả góc độ lý thuyết và thực tiễn theo khung phân tích, trong đó có hai phương diện chính yếu là các cơ chế hợp tác và phạm vi hợp tác.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận từ góc độ lịch sử và thống kê thực tiễn hợp tác trên một hoặc một số lĩnh vực trong khuôn khổ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và CHLB Đức, và do đó chưa phản ánh đầy đủ các khía cạnh.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu của Luận án là làm rõ điều kiện thiết lập, nội hàm cơ bản và những phương diện cốt lõi của khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam thông qua nghiên cứu trường hợp cụ thể của khuôn khổ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức trong giai đoạn 2011-2021.

Để đạt được mục tiêu này, Luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Làm rõ khái niệm, đặc điểm, điều kiện xác lập khuôn khổ đối tác chiến lược của các nước và Việt Nam;
- Nghiên cứu tổng quan thực tiễn quan hệ đối tác chiến lược trên thế giới và của Việt Nam;
- Phân tích cơ sở, mục tiêu, đánh giá thực tiễn triển khai khuôn

khô quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức giai đoạn 2011 – 2021;

- Dự báo triển vọng và kiến nghị giải pháp nhằm thúc đẩy và nâng tầm quan hệ giữa Việt Nam - CHLB Đức nói riêng, có thể có giá trị tham khảo nhằm nâng cao hiệu quả các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam nói chung trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam, chủ yếu tập trung vào khuôn khổ Việt Nam - CHLB Đức trong giai đoạn 2011-2021.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án xem xét các khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam, trong đó quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức là trường hợp nghiên cứu điển hình, tập trung vào các cơ chế và phạm vi hợp tác.

- Về không gian: Đề tài tập trung vào quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức, đặt trong tổng thể quan hệ đối ngoại của Việt Nam, Đức và sự vận động của tình hình quốc tế và khu vực, đặc biệt là Đông Nam Á và châu Âu.

- Về thời gian: Luận án nghiên cứu quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức trong gian đoạn 2011 – 2021. Luận án cũng nghiên cứu các vấn đề liên quan trong giai đoạn trước và sau các mốc quan trọng đó để có thêm cơ sở cho các nhận định, đánh giá trong giai đoạn trọng tâm.

5. Phương pháp nghiên cứu

Bao gồm: Phương pháp nghiên cứu phân tích chính sách; Phương pháp nghiên cứu trường hợp; Phương pháp nghiên cứu dự báo; Phương pháp tổng hợp và phân tích và Phương pháp thống kê.

6. Nguồn tài liệu

Nghiên cứu sinh sử dụng các tài liệu chính thức, các sách chuyên khảo, tham khảo, công trình nghiên cứu, các bài báo đã được công bố trong và ngoài nước.

7. Đóng góp của Luận án

Luận án dự kiến có những đóng góp khoa học, bổ sung nghiên cứu về khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam nói chung, quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức nói riêng.

Luận án đề xuất nghiên cứu quan hệ đối tác chiến lược trên cơ sở xem xét hai bình diện chính là các cơ chế và phạm vi hợp tác. Khung phân tích này có thể góp phần gợi mở một phương thức nghiên cứu quan hệ song phương giữa Việt Nam với các đối tác chiến lược.

Về mặt thực tiễn, Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu và đào tạo, hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam với các đối tác chiến lược.

8. Cấu trúc của Luận án

Chương 1: Khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam: Lý luận và thực tiễn.

Chương 2: Khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức giai đoạn 2011-2021.

Chương 3: Đánh giá khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam và quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức và khuyến nghị chính sách.

CHƯƠNG 1

KHUÔN KHỔ QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC CỦA VIỆT NAM: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Lý luận về quan hệ đối tác chiến lược

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ đối tác chiến lược và điều kiện

thiết lập

❖ Khái niệm:

Trong Luận án này, quan hệ đối tác chiến lược được xác định là một dạng thức quan hệ có tầm quan trọng lớn và có tính dài hạn giữa các quốc gia với nhau hoặc giữa quốc gia với tổ chức quốc tế, nhằm xác định khuôn khổ, bao gồm các cơ chế để thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác mà các bên ưu tiên. Mỗi quan hệ này không phải luôn luôn cố định mà có thể chuyển biến với các nội dung khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh quốc tế và tình hình của mỗi nước, lợi ích và quyết tâm, ý chí chính trị của mỗi bên trong từng giai đoạn.

❖ Đặc điểm

Một là, có một khuôn khổ hợp tác dài hạn được xây dựng với mục tiêu chiến lược chung;

Hai là, có các cơ chế đa dạng được xác định để thúc đẩy những lĩnh vực hợp tác đã được xác định;

Ba là, có lĩnh vực hợp tác, có thể trong chính trị, ngoại giao, an ninh quốc phòng, kinh tế, thương mại, đầu tư, ... chặt chẽ và mật thiết hơn mức thông thường;

Bốn là, lĩnh vực hợp tác không chỉ giới hạn trong các vấn đề song phương mà còn mở rộng ra các vấn đề và lĩnh vực đa phương.

❖ Hình thức

Quan hệ đối tác chiến lược khá đa dạng, không theo khuôn mẫu cố định. Do vậy, rất khó để phân loại quan hệ đối tác chiến lược. Nếu phân loại theo tiêu chí về chủ thể, có thể chia thành: i) giữa các quốc gia; ii) giữa một quốc gia và một khu vực; iii) giữa một quốc gia và một nhóm quốc gia; iv) giữa một quốc gia và một thể chế an ninh, tài chính, kinh tế.

❖ Điều kiện thiết lập: i) các bên bình đẳng, tôn trọng thể chế chính trị, hệ tư tưởng và giá trị xã hội của nhau; ii) các bên thể hiện mong

muốn và quyết tâm chính trị để xây dựng quan hệ đối tác chiến lược; iii) tương đồng về mục đích, mục tiêu và thậm chí có thể chia sẻ lợi ích sống còn; iv) thống nhất nhận thức về cách tiếp cận xây dựng đối tác chiến lược cũng như khuôn khổ, cơ chế và các lĩnh vực hợp tác.

1.1.2. Khuôn khổ đối tác chiến lược

Trong Luận án này, khuôn khổ đối tác chiến lược được nhìn nhận trên hai phương diện: các cơ chế hợp tác và các lĩnh vực hợp tác. Khuôn khổ đối tác chiến lược không phải là bất biến mà có thể được bổ sung, điều chỉnh trên các phương diện, phù hợp với bối cảnh tình hình, mục tiêu, lợi ích và quyết tâm chính trị của các đối tác.

1.1.3. Mục tiêu của quan hệ đối tác chiến lược

Mục tiêu an ninh: quan hệ đối tác chiến lược đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn và đảm bảo an ninh cho các quốc gia đối tác.

Mục tiêu phát triển: quan hệ đối tác chiến lược tạo dựng cơ sở để các quốc gia khai thác lợi thế so sánh của nhau nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của các đối tác.

Mục tiêu vị thế: quan hệ đối tác chiến lược tạo điều kiện mở rộng không gian phát triển và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

1.1.4. So sánh quan hệ đối tác chiến lược với các dạng thức hợp tác khác

Quan hệ đối tác toàn diện và quan hệ đối tác chiến lược có các cơ chế đa dạng nhằm thúc đẩy quan hệ trên diện rộng giữa các đối tác. Tuy vậy, về mặt lý thuyết, các đặc điểm của quan hệ đối tác chiến lược được thể hiện ở mức cao hơn so với đối tác toàn diện.

Trong quan hệ đối tác chiến lược và quan hệ đồng minh, các bên đều xác định chương trình hợp tác đa dạng và bao trùm trên các lĩnh vực. Tuy nhiên, giữa hai loại hình có sự khác nhau về việc xác định mục tiêu đối với hợp tác an ninh quốc phòng. Quan hệ đối tác chiến lược thường đặt ra nguyên tắc không chống lại nước thứ ba; trong khi

các bên trong quan hệ đồng minh có trách nhiệm hành động khi lợi ích của bên kia bị đe dọa hoặc bị xâm hại.

1.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về đối tác chiến lược

1.1.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối tác chiến lược

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hình thành tư tưởng về hợp tác tin cậy, bình đẳng và toàn diện - những thành tố cơ bản của mô hình quan hệ đối tác chiến lược - từ rất sớm. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định những nguyên tắc trong xây dựng và duy trì quan hệ với các nước, trong đó nguyên tắc giữ vững độc lập và tôn trọng chủ quyền là nền tảng. Về các lực lượng mà Việt Nam cần quan tâm mở rộng hợp tác, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định đa dạng và toàn diện, không chỉ giới hạn với các lực lượng cách mạng mà còn với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các nước lớn, nước dân chủ.

1.1.2.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đối tác chiến lược

Việt Nam đã nhấn mạnh nhiệm vụ của đối ngoại Việt Nam với các đối tác. Đại hội XII (năm 2016) xác định: "... Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất"¹ và Đại hội XIII nhấn mạnh: "Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và đối tác quan trọng khác, tạo thế đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy"².

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng trung ương Đảng, tr.155.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, tr. 163.

1.2. Thực tiễn về quan hệ đối tác chiến lược

1.2.1. Thực tiễn quan hệ đối tác chiến lược trên thế giới

Nhìn chung, có sự khác biệt giữa các quốc gia trong cách tiếp cận, xác định cơ chế, phạm vi và thực hiện các mục đích triển khai các quan hệ đối tác chiến lược.

1.2.2. Thực tiễn quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam

1.2.2.1. Các cơ chế hợp tác

Các khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam với các nước đặt ra các cơ chế hợp tác phong phú: i) duy trì giao lưu và tiếp xúc Lãnh đạo cấp cao giữa hai bên; ii) hình thành các cơ chế hợp tác đa dạng giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Quốc hội, các Bộ, ngành, địa phương và nhân dân hai bên, và iii) phối hợp chặt chẽ trên các diễn đàn khu vực và quốc tế.

1.2.2.2. Phạm vi hợp tác

Các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam với các đối tác mang tính toàn diện bao gồm nhiều lĩnh vực hợp tác quan trọng trong chính trị, ngoại giao, kinh tế, an ninh, quốc phòng, khoa học, công nghệ, văn hóa, Các lĩnh vực có thứ tự ưu tiên khác nhau, được thúc đẩy với mức độ hiệu quả và thành công khác nhau.

1.2.2.3. Một số đánh giá

Mục tiêu an ninh: các khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam đã góp phần hiệu quả trong việc thực hiện các mục tiêu bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Các cơ chế hợp tác trong các khuôn khổ tạo điều kiện cho Việt Nam và các đối tác giải tỏa bất đồng, gia tăng tin cậy và kiềm chế xung đột.

Mục tiêu phát triển: Những thành tựu hợp tác trên lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư giữa Việt Nam với hầu hết các đối tác chiến lược là điểm sáng nêu so với các lĩnh vực hợp tác khác.

Mục tiêu vị thế: Mạng lưới các khuôn khổ đối tác chiến lược với các quốc gia, trong đó có thành viên của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, có các nước lớn, có các nước chủ chốt thuộc EU và ASEAN, và các nước có vị trí và vai trò quan trọng ở Châu Á cho thấy tầm quan trọng của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của các nước này.

Tuy nhiên, các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam còn một số hạn chế sau: i) mức độ tin cậy chính trị đôi khi chưa bền vững và chưa đáp ứng được kỳ vọng của các bên; ii) tính hiệu quả của các cơ chế hợp tác và chất lượng của phạm vi hợp tác chưa đáp ứng kỳ vọng của Việt Nam và các đối tác; iii) có sự khác biệt khá lớn trong hệ thống chính trị và trình độ phát triển của Việt Nam so với hầu hết các đối tác, và do vậy đã gây ra một số lực cản trong quá trình phát triển những mối quan hệ này.

1.3. Khung phân tích của Luận án

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn nêu trên, Luận án hình thành khung phân tích để đánh giá khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam - CHLB Đức trong giai đoạn 2011 - 2021 và kiến nghị định hướng triển khai trong những năm tiếp theo.

Trước hết, Luận án xác định, quan hệ đối tác chiến lược là một dạng thức quan hệ có tầm quan trọng lớn và có tính dài hạn giữa các quốc gia với nhau hoặc giữa quốc gia với tổ chức quốc tế, xuất hiện sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc nhằm xác định khuôn khổ, bao gồm các cơ chế để thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác mà các bên ưu tiên. Mối quan hệ này không phải luôn luôn cố định mà có thể được tăng cường, chuyển biến với các nội dung khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh quốc tế và tình hình của mỗi nước, lợi ích và quyết tâm, ý chí chính trị của mỗi bên trong từng giai đoạn.

Cơ sở thiết lập quan hệ đối tác chiến lược dựa trên các điều kiện bao gồm: (i) sự bình đẳng, tôn trọng thể chế chính trị, hệ tư tưởng và

giá trị xã hội giữa các bên; (ii) mong muốn và quyết tâm chính trị để xây dựng quan hệ đối tác chiến lược của các bên; (iii) sự tương đồng về mục tiêu trong duy trì an ninh, đảm bảo thịnh vượng và phát huy vai trò, vị thế trên trường quốc tế; (iv) thống nhất nhận thức về cách tiếp cận xây dựng đối tác chiến lược cũng như khuôn khổ, cơ chế và các lĩnh vực hợp tác

Các phân tích của Luận án được soi chiếu theo các nội hàm cơ bản của quan hệ đối tác chiến lược bao gồm: i) có một khuôn khổ hợp tác dài hạn được xây dựng với mục tiêu chiến lược chung; ii) có các cơ chế đa dạng để tăng cường những lĩnh vực hợp tác đã được xác định; iii) có phạm vi hợp tác toàn diện; iv) phạm vi hợp tác không chỉ giới hạn trong quan hệ song phương, mà còn mở rộng ra các vấn đề, lĩnh vực đa phương.

Luận án xem xét quan hệ đối tác chiến lược trên hai bình diện chính là cơ chế hợp tác và phạm vi hợp tác.

Tiểu kết chương 1

Thực tiễn triển khai thiết lập và thúc đẩy các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược linh hoạt, không tuân thủ chuẩn mực mà tùy thuộc ý chí chính trị và mong muốn của mỗi bên.

Cách tiếp cận và xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam linh hoạt về đối tác và cơ chế triển khai. Khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam với các đối tác có các đặc điểm sau: (i) các cơ chế hợp tác phong phú và ii) phạm vi hợp tác toàn diện và rộng mở.

Việc triển khai các khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh, hỗ trợ phát triển và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy vậy, những hạn chế trong quá trình triển khai quan hệ đối tác chiến lược khiến cho kết quả hợp tác chưa đạt như kỳ vọng.

CHƯƠNG 2

KHUÔN KHỔ QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM - CHLB ĐỨC GIAI ĐOẠN 2011-2021

2.1. Cơ sở thiết lập khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức

2.1.1. Tình hình thế giới và khu vực

Thứ nhất, hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế bao trùm, phù hợp với nguyện vọng duy trì môi trường ổn định, thuận lợi cho phát triển bền vững của các quốc gia trên thế giới.

Thứ hai, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, với vị trí địa chiến lược và địa kinh tế quan trọng, ngày càng khẳng định vị trí và vai trò dẫn dắt thúc đẩy toàn cầu hóa, khu vực hóa với việc hình thành các hình thức liên kết và hợp tác đa dạng. Tuy vậy, khu vực này tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định.

Thứ ba, cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu đặt ra nhiều thách thức và tác động mạnh mẽ đến sự bền vững của khu vực đồng tiền chung euro và EU, đã làm cho CHLB Đức bị ảnh hưởng nặng nề.

Thứ tư, các vấn đề an ninh phi truyền thống xuyên biên giới tác động sâu rộng trên toàn cầu yêu cầu các quốc gia phải có chính sách phối hợp chặt chẽ và hiệu quả trong chia sẻ thông tin, hành động ứng phó và hỗ trợ lẫn nhau.

2.1.2. Tình hình Việt Nam và CHLB Đức

2.1.2.1. Tình hình Việt Nam

Thứ nhất, thế và lực của đất nước từng bước được khẳng định tạo tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hóa.

Thứ hai, sức mạnh kinh tế được cải thiện. Việt Nam đã ra khỏi tình trạng kém phát triển và trở thành nước có thu nhập trung bình.

Thứ ba, hội nhập quốc tế được triển khai sâu rộng và hiệu quả. góp phần huy động nguồn đầu tư, tri thức, công nghệ để thúc đẩy phát

triển và góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định và bảo vệ chủ quyền.

Tuy nhiên, kinh tế, xã hội phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp.

2.1.2.2. Tình hình CHLB Đức

Thứ nhất, CHLB Đức trải qua sự giảm sút đáng kể trong các hoạt động xuất nhập khẩu và đầu tư, là những lĩnh vực đóng vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế.

Thứ hai, yêu cầu cải thiện để thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới và sáng tạo trở nên cấp bách đối với CHLB Đức.

Thứ ba, với tiềm lực và kinh tế và ảnh hưởng chính trị, Đức tiếp tục nỗ lực nhằm thể hiện vai trò dẫn đầu trong việc tái định hình cấu trúc quản trị của khu vực đồng tiền chung châu Âu.

2.1.3. Quan hệ Việt Nam – CHLB Đức trước năm 2011

Quan hệ ngoại giao Việt Nam - CHLB Đức có nhiều dấu mốc quan trọng trong lịch sử, dựa trên nền tảng là mối quan hệ giữa miền Nam với Tây Đức và miền Bắc với Đông Đức trong giai đoạn chia cắt. Phù hợp với lợi ích quốc gia dân tộc trong tiến trình thống nhất và phát triển, Việt Nam và CHLB Đức có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển quan hệ ở giai đoạn tiếp theo.

2.1.4. Mục tiêu của Việt Nam và CHLB Đức trong nâng cấp lên quan hệ đối tác chiến lược

2.1.4.1. Mục tiêu của Việt Nam

Khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam với Đức hỗ trợ Việt Nam đạt các mục tiêu về an ninh, phát triển, và vị thế.

2.1.4.2. Mục tiêu của CHLB Đức

Khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam với Đức hỗ trợ Đức đạt các mục tiêu về an ninh, phát triển, và vị thế.

2.1.5. Chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với CHLB Đức

Chủ trương đưa quan hệ Việt Nam – CHLB Đức đi vào chiều sâu,

ổn định, bền vững là trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với CHLB Đức.

Đẩy mạnh triển khai nền ngoại giao toàn diện đã được Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI (2011) xác định: “triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại” và “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”³.

2.1.6. Chính sách đối ngoại của CHLB Đức đối với Việt Nam

CHLB Đức nhìn nhận các quốc gia đang phát triển và các quốc gia công nghiệp hóa mới, trong đó có Việt Nam là những đầu tàu kinh tế, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong các vấn đề khu vực và toàn cầu. Đối với các quốc gia này, CHLB Đức nỗ lực thúc đẩy các lĩnh vực, bao gồm i) hòa bình và an ninh; ii) nhân quyền và pháp quyền; iii) chính sách kinh tế và tài chính; iv) nguồn lực, lương thực và năng lương; v) nghề nghiệp, các vấn đề xã hội và sức khỏe; và vi) phát triển và bền vững tự do, xem các lĩnh vực này là thành tố quan trọng cấu thành Chiến lược Định hình toàn cầu hóa – Mở rộng quan hệ đối tác – Chia sẻ trách nhiệm mà Chính phủ CHLB Đức đã công bố năm 2012.

CHLB Đức xác định thương mại toàn cầu đóng góp quan trọng đối với sự thịnh vượng của quốc gia nói riêng và của toàn thế giới nói chung. Do vậy, CHLB Đức chủ trương xúc tiến phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại giữa chính phủ CHLB Đức với chính phủ các quốc gia đang phát triển cũng như giữa các doanh nghiệp của CHLB Đức và các đối tác. Đức dành sự quan tâm ngày càng lớn hơn đối với Việt Nam, xác định đây là đối tác tiềm năng, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai chính sách kinh tế đối ngoại của Đức tại khu vực.

Đức chủ trương ủng hộ chủ nghĩa đa phương, tôn trọng luật pháp

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tr. 235.

quốc tế, ưu tiên đối thoại, phòng ngừa khủng hoảng và kiến tạo lòng tin. Đức khuyến khích sự tham gia tích cực của các quốc gia đối tác, trong đó có Việt Nam, trong quá trình quản trị toàn cầu theo các phương thức đa dạng: tham gia đối thoại, đề xuất sáng kiến, phối hợp hành động, đóng góp tài chính,

2.2. Thực trạng khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức giai đoạn 2011-2021

2.2.1. Cơ chế hợp tác

Khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam – CHLB Đức được chính thức hóa bằng Tuyên bố chung Hà Nội “Việt Nam và CHLB Đức – đối tác chiến lược vì tương lai” được ký kết bởi Thủ tướng CHLB Đức Angela Merkel và Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng trong chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng CHLB Đức (năm 2011). Trong khuôn khổ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức, các cơ chế hợp tác khá đa dạng, thể hiện trên nhiều tầng nấc.

Thứ nhất: Các cuộc gặp gỡ giữa các Lãnh đạo cấp cao của hai nước được tăng cường. Trong giai đoạn 2011-2017, hằng năm đều có các chuyến thăm của Lãnh đạo cấp cao. Chỉ riêng năm 2018, không có chuyến thăm của Lãnh đạo cấp cao được thực hiện do ảnh hưởng của vụ việc liên quan đến Trịnh Xuân Thanh.

Thứ hai: Các cơ chế hợp tác đa dạng với các chủ thể khác nhau như: kênh Đảng, kênh Bộ/ ngành, địa phương và giao lưu nhân dân.

Thứ ba: phối hợp chặt chẽ trên các diễn đàn đa phương và tổ chức quốc tế để thúc đẩy các vấn đề quan tâm chung, duy trì cam kết thúc đẩy chủ nghĩa đa phương và thương mại tự do, thúc đẩy trật tự quốc tế dựa trên luật lệ, tự do hàng hải, hàng không.

2.2.2. Phạm vi hợp tác

Tuyên bố chung Hà Nội đã xác định cụ thể các lĩnh vực hợp tác mà hai bên ưu tiên thúc đẩy. Kế hoạch hành động chiến lược giai

đoạn 2011-2019 và 2019-2021 xác định những dự án, kế hoạch trọng tâm.

Thực tiễn vận động của khuôn khổ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức cho thấy lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư chứng kiến những kết quả hợp tác nổi bật và tích cực nhất giữa hai nước; lĩnh vực chính trị, ngoại giao cho thấy hai bên đang tồn tại những mặt cần giải quyết để tăng cường lòng tin chiến lược; lĩnh vực an ninh quốc phòng gợi mở các cơ hội hướng tới tương lai.

Tiểu kết chương 2

Kể từ thời điểm nâng cấp lên quan hệ đối tác chiến lược, quan hệ Việt Nam - CHLB Đức đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Các cơ chế hợp tác trong khuôn khổ đối tác chiến lược Việt Nam khá đa dạng và phạm vi hợp tác bao trùm. Nhiều mục tiêu được đề ra tại Tuyên bố chung Hà Nội và Kế hoạch hành động chiến lược trong các giai đoạn đã được thực hiện hiệu quả. Tuy vậy, thực tiễn triển khai quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước trong thời gian vừa qua cũng cho thấy một số hạn chế. Trước hết là vị trí chiến lược của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của CHLB Đức chưa ngang bằng nếu so sánh với các đối tác quan trọng khác; mức độ đan xen lợi ích giữa hai nước chưa chặt chẽ; vấn đề dân chủ, nhân quyền vẫn là những trở ngại. Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư còn bộc lộ một số hạn chế.

Với nền tảng tốt đẹp được nhiều thế hệ lãnh đạo và nhân dân hai nước vun đắp trong những thập niên qua cùng với nỗ lực và quyết tâm của hai bên, quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức sẽ tiếp tục được củng cố và phát triển bền vững với những bước phát triển đột phá mới, xứng đáng với tiềm năng, thế mạnh và kỳ vọng của mỗi nước.

CHƯƠNG 3

ĐÁNH GIÁ KHUÔN KHỔ QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM – CHLB ĐỨC VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

3.1. Đánh giá khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức trong giai đoạn 2011-2021

Dựa trên khung phân tích khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược đã được trình bày ở Chương 1, có thể thấy Việt Nam – CHLB Đức đều đáp ứng những điều kiện quan trọng để thiết lập khuôn khổ đối tác chiến lược.

Thứ nhất, Việt Nam và CHLB Đức tôn trọng thể chế chính trị, hệ tư tưởng và giá trị xã hội của nhau mặc dù hai quốc gia có thể chế chính trị, kinh tế và đạt trình độ phát triển khác nhau;

Thứ hai, Việt Nam và CHLB Đức đều mong muốn và quyết tâm chính trị để xây dựng quan hệ đối tác chiến lược;

Thứ ba, Việt Nam và CHLB Đức đều nhìn nhận quan hệ đối tác chiến lược giữa hai bên giúp đạt được các mục đích về an ninh, phát triển và nâng cao vị thế của nhau

Thứ tư, Việt Nam và CHLB thống nhất nhận thức về cách tiếp cận xây dựng đối tác chiến lược cũng như khuôn khổ, cơ chế triển khai và các lĩnh vực hợp tác, đặc biệt là trong các lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược, những vấn đề chính trị khu vực và toàn cầu, phù hợp với lợi ích, thể mạnh và nguyện vọng của mỗi bên.

Xem xét từ khía cạnh các nội hàm của khuôn khổ đối tác chiến lược, có thể nhận xét như sau:

Việt Nam và CHLB Đức có một khuôn khổ đối tác chiến lược phù hợp với ý chí chính trị và nguyện vọng hợp tác của cả hai bên. Khuôn khổ này được thiết lập với mục tiêu chiến lược chung nhằm tăng cường hợp tác, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt.

Khuôn khổ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức có các cơ

chế đa dạng bao gồm các cuộc gặp gỡ và trao đổi đoàn của Lãnh đạo cấp cao, duy trì hợp tác trên kênh Đảng, thực hiện các cuộc hợp định kỳ trong cơ chế Đối thoại chiến lược, Ủy ban hỗn hợp về hợp tác khoa học - công nghệ, Ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế, hợp tác giữa các địa phương, giao lưu nhân dân và phối hợp trên các diễn đàn khu vực và quốc tế.

Khuôn khổ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức xác định phạm vi hợp tác mà hai bên ưu tiên thúc đẩy trong chính trị chiến lược, kinh tế, thương mại, đầu tư, an ninh, quốc phòng, hợp tác phát triển, Nhiều dự án đã được thực hiện thành công với những kết quả cụ thể và thực chất.

Phạm vi hợp tác không chỉ giới hạn trọng các vấn đề và lĩnh vực song phương, mà còn mở rộng ra các vấn đề và lĩnh vực đa phương. Việt Nam và CHLB Đức đã phối hợp chặt chẽ và hiệu quả trên nhiều diễn đàn đa phương, mang lại kết quả thiết thực

Trong quá trình thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Đức vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, sự tin cậy chính trị vẫn chưa đạt mức cao và bền vững. Đối với CHLB Đức, vị trí của Việt Nam chưa thể ngang bằng với một số đối tác truyền thống của Đức ở khu vực. Xét trên mức độ “cần thiết” và “ưu tiên”, Việt Nam có nhu cầu lớn hơn so với CHLB Đức trong thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược giữa hai bên.

Thứ hai, trong quan hệ hợp tác an ninh, quốc phòng, hai bên vẫn chưa kết thúc đàm phán và ký kết những hiệp định quan trọng như: Hiệp định đấu tranh, phòng chống tội phạm; Hiệp định về dẫn độ; Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù; Hiệp định hợp tác, phòng chống buôn bán người.

Thứ ba, trong quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư, kết quả đạt được trong thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của

cả hai nước, vẫn còn hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án do phía Đức đầu tư tại Việt Nam.

3.2. Dự báo triển vọng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức trong thời gian tới

3.2.1. Những nhân tố tác động

3.2.1.1. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn

Quan hệ Mỹ - Trung sẽ tiếp tục chi phối quan hệ quốc tế. Cạnh tranh Mỹ - Trung vẫn căng thẳng, quyết liệt, nổi trội, được xác định là xu thế lâu dài. Điều này làm cho quá trình tập hợp lực lượng về chiến lược, chính trị, kinh tế phức tạp hơn.

3.2.1.2. Khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương

Khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương – trung tâm địa chính trị, địa kinh tế của thế giới – tiếp tục là ưu tiên trong chính sách đối ngoại của các nước. Mỹ, EU, Ấn Độ, Nhật Bản, Anh, Pháp, Hà Lan, Đức, Hàn Quốc đều thể hiện sự quan tâm và đề ra các chiến lược hợp tác ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, đẩy mạnh triển khai nhiều sáng kiến tại khu vực.

3.2.1.3. Các vấn đề mới nổi, thách thức toàn cầu

Trong bối cảnh sau đại dịch Covid-19 và xung đột Nga – Ucraina, các vấn đề biến đổi khí hậu, những thách thức về an ninh phi truyền thống trên toàn cầu đã thúc đẩy các quốc gia tập trung nguồn lực, đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

3.2.1.4. Yêu cầu về chuyển đổi số

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với sự phát triển vượt bậc của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, Fintech, tiền kỹ thuật số, thương mại điện tử... trở thành nguồn động lực quan trọng của phát triển giai đoạn mới, thúc đẩy các quốc gia hợp tác để khai thác các thế mạnh của nhau.

3.2.2. Mục tiêu đối với Việt Nam và CHLB Đức

3.2.2.1. Mục tiêu của Việt Nam trong tăng cường quan hệ với Đức

Mục tiêu an ninh: Đối với Việt Nam, những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống luôn hiện hữu. Tăng cường hợp tác với CHLB Đức trên cả kênh song phương và đa phương nhằm tận dụng thêm các nguồn lực góp phần giữ gìn hòa bình và ổn định, duy trì độc lập và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

Mục tiêu phát triển: Đại hội Đảng XIII (2021) xác định: “Đến năm 2030: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.”⁴ Tăng cường hợp tác với Đức nhằm hỗ trợ Việt Nam thu hút hiệu quả nguồn lực, tri thức và chuyên gia công nghệ từ CHLB Đức vào Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu đã xác định. Bên cạnh đó, thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược với CHLB Đức sẽ hỗ trợ Việt Nam đa dạng hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại, thực hiện mục tiêu thúc đẩy xuất khẩu, đặc biệt là góp phần giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống.

Mục tiêu vị thế: Nâng tầm quan hệ với CHLB Đức với vai trò và ảnh hưởng hàng đầu ở Châu Âu sẽ góp phần hỗ trợ Việt Nam thực hiện hiệu quả mục tiêu nâng tầm thương hiệu quốc gia.

3.2.2.2. Mục tiêu của CHLB Đức trong tăng cường quan hệ với Việt Nam

Mục tiêu an ninh: Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác Đông Nam Á, thực hiện các biện pháp mở rộng hợp tác an ninh và quốc phòng trong khu vực với các đối tác, ... là những nội dung quan trọng trong Định hướng chính sách đối với khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của CHLB Đức.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, tập I, tr. 36.

Mục tiêu phát triển: Ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề được chú trọng hàng đầu trong các chương trình hợp tác của Đức với các đối tác, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, tìm kiếm thị trường mới, giảm phụ thuộc vào Trung Quốc và Nga là một trong những nội dung mà Chính phủ Đức đẩy mạnh trong hợp tác với các nước.

Mục tiêu vị thế: Với vai trò ngày càng gia tăng của Việt Nam trong ASEAN và vai trò trung tâm của ASEAN trong hợp tác khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, CHLB Đức đặt mục tiêu tăng cường phối hợp với Việt Nam thúc đẩy các vấn đề khu vực và đa phương.

3.2.3. Dự báo chiều hướng phát triển quan hệ Việt Nam – CHLB Đức

Trên cơ sở đánh giá các nhân tố tác động, mục tiêu của Việt Nam và CHLB Đức, có thể dự báo rằng quan hệ giữa hai nước trong thời gian tới sẽ tiếp tục được thúc đẩy và làm sâu sắc hơn nữa. Hai nước sẽ nỗ lực nhằm đưa các nội hàm hợp tác của quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Đức đi vào chiều sâu, hiệu quả, thực chất, đáp ứng lợi ích của hai nước.

Hai bên sẽ tiếp tục nỗ lực để nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức lên thành quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – CHLB Đức trong thời gian thích hợp.

Hai bên sẽ thực hiện đa dạng hóa các cơ chế hợp tác trên kênh Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Bộ/ ngành, địa phương, doanh nghiệp, giới học giả, và nhân dân hai nước. Đối với phạm vi hợp tác, hai bên xác định lĩnh vực chính trị, ngoại giao đóng vai trò tiên phong, định hướng; lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư đóng vai trò trung tâm, lĩnh vực an ninh, quốc phòng là những ưu tiên mới; các lĩnh vực khác hỗ trợ thúc đẩy quan hệ toàn diện giữa hai nước.

3.3. Một số kiến nghị chính sách của Việt Nam nhằm tăng cường

quan hệ Việt Nam – CHLB Đức

3.3.1. Đa dạng các cơ chế hợp tác

Việt Nam cần chủ động đề xuất thành lập cơ chế Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam – CHLB Đức do Thủ tướng của hai bên đồng chủ trì.

Bên cạnh việc nỗ lực gia tăng tần suất các chuyến thăm, giao lưu, tiếp xúc, trao đổi đoàn cấp cao giữa hai nước, Việt Nam cần xây dựng các kế hoạch cụ thể để thúc đẩy quan hệ cá nhân tốt đẹp và thân tình giữa Lãnh đạo cấp cao Việt Nam với Lãnh đạo cấp cao của Đức.

Cơ chế tham vấn lý luận hiện có giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và các chính đảng của CHLB Đức đang phát huy hiệu quả trong việc trao đổi đường lối, chủ trương, chính sách của hai bên. Do vậy, Việt Nam và CHLB Đức cần duy trì cơ chế này, đồng thời thiết lập cơ chế hợp tác hiệu quả và thực chất giữa Quốc hội của Việt Nam và Quốc hội của CHLB Đức.

Để hướng tới nâng cấp lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – CHLB Đức, Việt Nam và CHLB Đức cần triển khai thiết lập một số cơ chế phối hợp mang tính chất chuyên ngành.

Các cơ chế ngoại giao bán chính thức (ngoại giao học giả) cần được thúc đẩy hơn nữa giữa Việt Nam và CHLB Đức, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi hoạt động ngoại giao kênh II đang diễn ra sôi động.

Việt Nam cần tận dụng các nguồn lực từ kiều bào đang làm ăn, sinh sống và học tập tại CHLB Đức. Các giải pháp có thể bao gồm: giao lưu văn hóa, tăng cường kênh ngoại giao nhân dân, tạo thành mạng lưới nhân dân ở CHLB Đức có tình cảm với đất nước và con người Việt Nam.

3.3.2. Phạm vi hợp tác ưu tiên

Trên cơ sở xem xét bối cảnh quốc tế và khu vực, mục tiêu của hai nước trong giai đoạn tới, quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức cần được tiếp tục thúc đẩy hiệu quả và thực chất với các

trọng tâm được xác định rõ ràng và nhất quán, trong đó hợp tác trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao đóng vai trò tiên phong, định hướng; hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư là trọng tâm; hợp tác trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng là ưu tiên mới; và hợp tác trong các lĩnh vực khác đóng vai trò xúc tác cho mối quan hệ chiến lược giữa hai bên.

3.3.2.1. Hợp tác chính trị, ngoại giao

Với tính chất tiên phong và định hướng của lĩnh vực chính trị và ngoại giao, việc tăng cường hợp tác trong lĩnh vực này là tiền đề để hai nước tăng cường xây dựng lòng tin chính trị, gia tăng nền tảng thuận lợi để hai bên đan xen lợi ích, mở đường hình thành các cơ chế hợp tác với những Kế hoạch và Chương trình hành động cụ thể nhằm phát triển quan hệ song phương một cách thực chất và hiệu quả.

3.3.2.2. Hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư

Là điểm sáng trong khuôn khổ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức trong giai đoạn 2011 – 2021, hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư cần được tiếp tục xác định là trọng tâm trong hợp tác giữa Việt Nam và CHLB Đức trong thời gian tới với các giải pháp cụ thể được đề xuất.

3.3.2.3. Hợp tác an ninh, quốc phòng

Trong tăng cường hợp tác trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng với CHLB Đức, Việt Nam cần nỗ lực thúc đẩy những nội dung mà Việt Nam đang ưu tiên, bao gồm cả hợp tác trong mua sắm và chuyển giao công nghệ quốc phòng nhằm nâng cao năng lực quân đội Việt Nam, triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác trong lĩnh vực này giữa hai bên.

3.3.2.4. Hợp tác trong các lĩnh vực khác

Trong lĩnh vực hợp tác phát triển, Việt Nam cần tận dụng lợi thế là một đối tác toàn cầu trong Chiến lược Cải tổ đến năm 2030 của

Chính phủ Đức và đối tác trong Chương trình quan hệ đối tác về chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP).

Trong các lĩnh vực khác như giáo dục, đào tạo, tư pháp, pháp luật, khoa học, công nghệ, văn hóa, du lịch và giao lưu nhân dân, hai bên cần tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình đã thống nhất; Việt Nam cần thực hiện các giải pháp được đề xuất trong Luận án để thúc đẩy quan hệ giữa hai bên. Đặc biệt, trong giai đoạn 2023 – 2025, khi Việt Nam và CHLB Đức đều là thành viên của Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc, Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ với CHLB Đức trong chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm cũng như đề xuất các sáng kiến và giải pháp về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trên thế giới.

Tiểu kết chương 3

Khi soi chiếu theo khung phân tích khuôn khổ đối tác chiến lược đã trình bày ở Chương 1, có thể đánh giá rằng Việt Nam và CHLB Đức đã đáp ứng các điều kiện để thiết lập quan hệ đối tác chiến lược. Khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược này đã thể hiện các nội hàm cơ bản. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế như: có thời điểm sự tin cậy chính trị bị thách thức; các cơ chế hợp tác chưa bao trùm ở tất cả các tầng nấc trong hệ thống chính trị, một số lĩnh vực hợp tác có hiệu quả chưa cao.

Trên cơ sở đánh giá các nhân tố tác động, mục tiêu của Việt Nam và CHLB Đức trong quan hệ với nhau, có thể dự báo quan hệ giữa hai nước trong thời gian tới sẽ tiếp tục được thúc đẩy và làm sâu sắc hơn; hai bên sẽ nỗ lực để nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam – CHLB Đức lên thành quan hệ đối tác chiến lược toàn diện trong thời gian thích hợp. Hợp tác về chính trị, ngoại giao là tiên phong, định hướng; hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư là trọng tâm; hợp tác trong quốc phòng và an ninh là ưu tiên mới; và hợp tác trong các lĩnh vực khác mang tính chất xúc tác, hỗ trợ thúc đẩy quan hệ toàn diện.

KẾT LUẬN

Các khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam góp phần đảm bảo môi trường hòa bình, ổn định, giúp Việt Nam phát huy vị thế địa chiến lược và địa kinh tế của đất nước, tranh thủ được các lợi thế của đối tác, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Tuy vậy, khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam còn bộc lộ một số hạn: lòng tin chiến lược chưa thực sự bền vững, chất lượng hoạt động của một số cơ chế chưa cao và phạm vi hợp tác chưa đồng đều trên các lĩnh vực. Do vậy, các nghiên cứu chuyên sâu về các giải pháp thúc đẩy hiệu quả các khuôn khổ đối tác là cần thiết cần.

Khi đối chiếu với khung phân tích khuôn khổ đối tác chiến lược mà Luận án đề xuất, khuôn khổ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức đã đáp ứng các điều kiện thiết lập và thể hiện các nội hàm của một khuôn khổ đối tác chiến lược, tuy vậy còn có những hạn chế nhất định. Với những mục tiêu mà hai nước Việt Nam và CHLB Đức đặt ra trong giai đoạn sắp tới, Việt Nam và CHLB Đức đều mong muốn làm sâu sắc hơn mối quan hệ giữa hai nước. Để đạt được mục tiêu đó, Việt Nam cần nỗ lực đa dạng hóa các cơ chế hợp tác giữa hai bên đồng thời xác định phạm vi hợp tác và các giải pháp ưu tiên.

Mặc dù Luận án đã cố gắng xây dựng khung phân tích đề luận giải về khuôn khổ đối tác chiến lược Việt Nam – CHLB Đức, cần nhấn mạnh rằng khuôn khổ đối tác chiến lược mang tính động, có thể chuyển biến theo hướng phát triển tích cực hoặc thậm chí là tiêu cực của quan hệ, và có thể bổ sung các cơ chế và phạm vi hợp tác, phù hợp với bối cảnh thế giới, tình hình nội tại của từng đối tác, cũng như ý chí chính trị, nguyện vọng của mỗi bên. Một điểm hạn chế của khung phân tích này chính là điểm khuyết về những tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của các cơ chế và các lĩnh vực hợp tác và do vậy, gợi mở một nội dung cần tiếp tục nghiên cứu trong các công trình tiếp theo

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Thị Thìn (2020), Quan hệ Việt Nam – CHLB Đức qua 45 năm phát triển, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, Số 1 (120), tháng 3 – 2020.
2. Nguyen Thi Thin (2021), Lesson learned from Germany’s containment of the Covid-19 pandemic, presented at the international workshop “Covid-19 and international relations”, co-organized by the Diplomatic Academy of Vietnam and Konrad Adenauer Stiftung.
3. Nguyễn Thị Thìn (2022), Về khuôn khổ đối tác chiến lược của Việt Nam hiện nay, Tạp chí Cộng sản, tháng 12-2022.